TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ M** **TỈNH HƯNG YÊN** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------
Số: 125/2019/QĐST-HNGĐ	*Mỹ Hào, ngày 23 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 102/2019/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 giữa:

* Nguyên đơn: Anh Vũ Văn L, sinh năm 1992

* Bị đơn: Chị Nguyễn Thị X; sinh năm 1994

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

+ Cháu Vũ Phương A, sinh ngày 04/8/2017

Đại diện theo pháp luật của cháu Phương A Chị Nguyễn Thị X sinh năm 1994

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố N, phường N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 3, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 136, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 73; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 116; Điều 117; Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Anh Vũ Văn L và chị Nguyễn Thị X

2/. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn L và chị Nguyễn Thị X thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Vũ Văn L và chị Nguyễn Thị X xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Phương A, sinh ngày 04/8/2017. Anh Long, chị X thỏa thuận thống nhất giao cháu Phương A cho chị X chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu Phương A thành niên.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L chị X thỏa thuận thống nhất anh L cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phương A cho chị X là 1.500.000 đồng/01 tháng; thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/11/2019 cho đến khi cháu Phương A thành niên.

Vì lợi ích của con chung, chị X, anh L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Anh L có quyền thăm và chăm sóc con chung; không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Về tài sản, vay nợ, ruộng nông nghiệp, công sức: Anh Vũ Văn L và chị Nguyễn Thị X đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Vũ Văn L tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp theo biên lai thu số 0004082 ngày 23/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M. Anh L đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày chị X có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp cho đến khi thi hành án xong, nếu anh L không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Đương sự.*
- *VKSND thị xã M*
- *Chi cục T.H.A DS thị xãM.*
- *UBND phường N;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Thẩm phán

Hoàng Tuấn Trọng